

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH ĐẮK LẮK**

Bản án số: 170/2019/DS-PT

Ngày 21 - 10 - 2019

V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK**

***-Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trần Anh Tuấn

*Các Thẩm phán:* Bà Nguyễn Thị Hằng, bà Đinh Thị Tuyết

***- Thư ký phiên tòa:*** Ông Nguyễn Duy Nguyên –Thư ký TAND tỉnh Đắk Lắk

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa:*** Ông Nguyễn Chí Hiếu - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 145/2019/TBTL-TA ngày 25 tháng 7 năm 2019, về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 24/2019/DS - ST ngày 18/6/2019, của Tòa án nhân dân huyện Krông Năng, tỉnh Đắk Lắk bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 208/2019/QĐ - PT ngày 18/9/2019, Quyết định hoãn phiên tòa số 160/2019/QĐ-PT, ngày 08 tháng 10 năm 2019, giữa các đương sự:

**Nguyên đơn:** Bà Huỳnh Thị N, sinh năm 1971. Địa chỉ: 221 Nguyễn Văn C, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. (có mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Luật sư Lê Công T – Văn phòng Luật sư X, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Đắk Lắk. Địa chỉ: 81 Nguyễn T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. (có mặt)

**Bị đơn:** Ông Nguyễn Đức M, sinh năm 1974 và bà Trần Thị Thúy H, sinh năm 1978. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: thôn TH, xã Đ, huyện KR, tỉnh Đắk Lắk. Chỗ ở hiện nay: thôn ĐK, xã E, huyện KR, tỉnh Đắk Lắk. (Ông M có mặt, bà H vắng mặt không có lý do)

Người đại diện theo ủy quyền cho bà Trần Thị Thúy H: Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1966. Địa chỉ: Buôn S, xã Đ, huyện KR, tỉnh Đắk Lắk. (vắng mặt không có lý do)

\* Người kháng cáo: Bị đơn ông Nguyễn Đức M, bà Trần Thị Thúy H.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**Nguyên đơn bà N trình bày:** Trong thời gian đầu năm 2018, ông Nguyễn Đức M và bà Trần Thị Thúy H nhiều lần vay tiền của bà Huỳnh Thị N để đáo hạn N hàng. Khi vay tiền có viết giấy vay tiền cụ thể như sau: Ngày 19/01/2018 vay số tiền 660.000.000 đồng (sáu trăm sáu mươi triệu đồng). Ngày 29/01/2018 vay số tiền 2.514.000.000 đồng (hai tỉ năm trăm mười bốn triệu đồng). Khi vay số tiền này, ông M, bà H có làm hợp đồng bán cho bà N xe ô tô hiệu Toyota Fortune, biển số 47A-152.85 giá 1.000.000.000 đồng (một tỉ đồng) và 01 lô đất diện tích 13.410m<sup>2</sup> có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số R 598638 được UBND huyện KR cấp ngày 27/11/2001 mang tên hộ ông Nguyễn Đức M với giá 500.000.000 đồng (năm trăm triệu đồng) để trừ một phần số tiền vay. Ngày 22/3/2018 vay số tiền 450.000.000 đồng (bốn trăm năm mươi triệu đồng). Ngày 27/4/2018 vay số tiền 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng).

Sau khi trừ số tiền bán tài sản, ông M, bà H còn nợ bà N số tiền 2.224.000.000 đồng (hai tỉ, hai trăm hai mươi bốn triệu đồng) nợ gốc. Ông M có đưa cho bà N 05 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Đến ngày 14/11/2018 ông M, bà H đã làm giấy lấy lại 05 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên.

Nay bà N đề nghị Tòa án buộc ông M, bà H phải trả cho bà N số tiền nợ gốc là 2.224.000.000 đồng (hai tỉ, hai trăm hai mươi bốn triệu đồng) và tiền lãi phát sinh từ ngày vi phạm nghĩa vụ trả nợ cho đến khi trả xong nợ theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay bà N và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà N trình bày: Trong quá trình chuẩn bị xét xử phúc thẩm thì bị đơn ông M, bà H đã trả cho bà được khoản nợ gốc là 1.000.000.000đ (Một tỷ đồng). Và bà đồng ý bớt cho ông M, bà H số tiền lãi 220.000.000đ (Hai trăm hai mươi triệu đồng) theo mức lãi của cấp sơ thẩm đã tính. Và chỉ yêu cầu ông M bà H trả cho bà N số nợ 1.300.027.000đ (làm tròn số), trong đó nợ gốc là 1.224.000.000đ, nợ lãi là 76.027.000đ. Bị đơn ông M cũng đồng ý và thỏa thuận với nội dung này của bà N nên đề nghị Hội đồng xét xử sửa bản án theo sự thỏa thuận này của các bên.

**Bị đơn ông M, bà H trình bày:** Đầu năm 2018, ông M, bà H có vay tiền của bà N để đáo hạn N hàng, cụ thể: Ngày 19/01/2018, ông M, bà H có mượn của bà N số tiền 660.000.000 đồng (sáu trăm sáu mươi triệu đồng), hạn 10 ngày trả và có thế chấp cho bà N 03 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đều đứng tên ông M, bà H tại thị xã G, tỉnh Đắk Nông. Ngày 29/01/2018, ông M, bà H mượn bà N số tiền 2.514.000.000 đồng (hai tỉ năm trăm mười bốn triệu đồng). Để làm tin, ông M, bà H đến Văn phòng Công chứng lập hợp đồng chuyển nhượng cho bà N 01 xe Toyota Fortune biển số 47A-152.85 và 01 lô đất diện tích 13.410m<sup>2</sup> có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số R 598638 được UBND huyện KR cấp ngày 27/11/2001 mang tên hộ ông Nguyễn Đức M. Khi vay, các bên có viết giấy vay tiền, lãi suất thỏa thuận miệng là 5000 đồng/triệu/ngày.

Sau khi vay số tiền trên, do không trả được nợ như thỏa thuận, tính đến ngày 22/3/2018 tiền lãi phát sinh là 450.000.000 đồng (bốn trăm năm mươi triệu đồng) nên ông M có viết giấy vay số tiền này của bà N. Đến ngày 27/4/2018, do không

trả được gốc và lãi của số tiền đã vay nên bà N tính tiền lãi thành 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng) và yêu cầu ông M viết giấy vay số tiền này. Bà N kiện vợ chồng ông M số tiền 2.224.000.000 đồng thì trong đó là 1.674.000.000 đồng tiền gốc còn 550.000.000 đồng là tiền lãi. Vì vậy, bà N cho rằng số tiền 450.000.000 đồng theo giấy vay ngày 22/3/2018 và số tiền 100.000.000 đồng theo giấy vay tiền ngày 27/4/2018 là các khoản vay gốc là không có căn cứ, đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay ông M trình bày Trong quá trình chuẩn bị xét xử phúc thẩm thì ông M, bà H đã trả cho bà N được khoản nợ gốc là 1.000.000.000đ (Một tỷ đồng). Và bà N đồng ý bớt cho ông M, bà H số tiền lãi 220.000.000đ (Hai trăm hai mươi triệu đồng) theo mức lãi của cấp sơ thẩm đã tính. Và chỉ yêu cầu ông M, bà H trả cho bà N số nợ 1.300.027.000đ (làm tròn số), trong đó nợ gốc là 1.224.000.000đ, nợ lãi là 76.027.000đ. Ông M đồng ý và thỏa thuận với nội dung này của bà N, đề nghị cấp phúc thẩm sửa bản án theo sự thỏa thuận của các bên.

**\* Tại bản án số 24/2019/DS-ST ngày 18/6/2019, của Tòa án nhân dân huyện Krông Năng, tỉnh Đắk Lắk đã quyết định:**

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; khoản 1 Điều 161; Điều 203; điểm b khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 273 và khoản 1 Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Điều 466; khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự; Điều 27; Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình.

Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1] Chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn bà Huỳnh Thị N. Buộc ông Nguyễn Đức M và bà Trần Thị Thúy H phải có trách nhiệm liên đới trả cho bà Huỳnh Thị N số tiền nợ gốc 2.224.000.000 đồng và 296.027.940 đồng tiền nợ lãi (Từ ngày vi phạm trả nợ gốc đến ngày xét xử 18/6/2019). Tổng cộng là 2.520.027.940 đồng (hai tỉ năm trăm hai mươi triệu không trăm hai mươi bảy ngàn, chín trăm bốn mươi đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (hoặc) kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự.

Tiếp tục duy trì biện pháp khẩn cấp tạm thời số 01/2018/QĐ-BPKCTT ngày 05/12/2018 của Tòa án nhân dân huyện Krông Năng, tỉnh Đắk Lắk để đảm bảo cho việc thi hành án đối với bản án này.

Chi phí giám định: Ông Nguyễn Đức M, bà Trần Thị Thúy H phải nộp 11.300.000 đồng tiền chi phí giám định. Hoàn trả cho bà Huỳnh Thị N số tiền

11.300.000 đồng tiền tạm ứng chi phí giám định đã nộp sau khi thu được của ông Nguyễn Đức M, bà Trần Thị Thúy H.

[2] Về án phí: Buộc ông Nguyễn Đức M, bà Trần Thị Thúy H phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 82.400.558 đồng (tám mươi hai triệu, bốn trăm ngàn, năm trăm năm tám đồng).

Trả lại cho bà Huỳnh Thị N số tiền tạm ứng án phí đã nộp là: 27.355.000 đồng theo biên lai thu số 0002719 ngày 05/7/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện KR.

Bản án sơ thẩm còn tuyên quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Ngày 02/7/2019, ông Nguyễn Đức M và bà Trần Thị Thúy H có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm. Và cho rằng:

- Toàn bộ số nợ 2.224.000.000đ như bản án sơ thẩm đã tuyên thì chỉ có 1.614.000.000đ là nợ gốc, còn lại 610.000.000đ là nợ lãi theo mức lãi suất tín dụng đen.

- Tòa sơ thẩm buộc bị đơn trả cho bà N số tiền lãi là 296.027.940đ là vô lý, vì khi vay không thể hiện tiền lãi.

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, bị đơn ông Nguyễn Đức M trình bày trong quá trình giải quyết vụ án, vợ chồng ông và bà H đã trả được số nợ gốc là 1.000.000.000đ cho bà N. Bà N đã đồng ý bớt cho ông M, bà H số tiền lãi 220.000.000đ (Hai trăm hai mươi triệu đồng) theo mức lãi của cấp sơ thẩm đã tính. Và chỉ yêu cầu ông M, bà H trả cho bà N số nợ 1.300.027.000đ (làm tròn số), trong đó nợ gốc là 1.224.000.000đ, nợ lãi là 76.027.000đ thì ông M đồng ý và đề nghị cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo thỏa thuận này.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Thẩm phán, Thư ký, các đương sự đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 308, khoản 3 Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự :

- Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo của bà Trần Thị Thúy H.

Chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Đức M – Sửa bản án sơ thẩm số: 24/2019/DS-ST ngày 18/6/2019, của Tòa án nhân dân huyện Krông Năng, tỉnh Đắk Lắk.

Chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn bà Huỳnh Thị N.

Buộc ông Nguyễn Đức M và bà Trần Thị Thúy H phải có trách nhiệm liên đới trả cho bà Huỳnh Thị N số nợ 1.300.027.000đ (làm tròn số), trong đó nợ gốc là 1.224.000.000đ, nợ lãi là 76.027.000đ.

Ghi nhận việc các bên yêu cầu tiếp tục duy trì biện pháp khẩn cấp tạm thời số 01/2018/QĐ-BPKCTT ngày 05/12/2018 của Tòa án nhân dân huyện Krông Năng, tỉnh Đắk Lắk để đảm bảo cho việc thi hành án đối với bản án này.

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ các tài liệu chứng cứ lời trình bày của các đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên:

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về tố tụng:

[1.1] Đơn kháng cáo của ông Nguyễn Đức M và bà Trần Thị Thúy H làm trong hạn luật định và có nội dung ủng hộ án phí dân sự phúc thẩm là hợp pháp. Vì vậy, Tòa án cấp phúc thẩm thụ lý giải quyết vụ án theo trình tự phúc thẩm là đúng pháp luật.

[1.2] Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, người kháng cáo là bà Trần Thị Thúy H và người đại diện theo ủy quyền của bà H là bà Nguyễn Thị L vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 02 và không vì sự kiện bất khả kháng hay trở ngại khách quan thì được coi như từ bỏ việc kháng cáo. Vì vậy, Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ khoản 3 Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự để đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo của bà Trần Thị Thúy H.

[2] Về nội dung: Xét yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị N:

Nguyên đơn bà Huỳnh Thị N khởi kiện ông Nguyễn Đức M và bà Trần Thị Thúy H yêu cầu trả số tiền 2.224.000.000 đồng nợ gốc và tiền lãi phát sinh từ ngày vi phạm nghĩa vụ trả nợ cho đến khi trả xong nợ theo quy định pháp luật. Cùng với việc khởi kiện của mình thì bà N cung cấp các chứng cứ giấy mượn tiền ngày 19/01/2018, ngày 29/01/2018, ngày 22/3/2018 và ngày 27/4/2018. Theo kết quả giám định số 104/PC09 ngày 04/10/2018 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đắk Lắk thì chữ ký, chữ viết trong các giấy vay tiền là của ông Nguyễn Đức M và bà Trần Thị Thúy H, tại phiên tòa hôm nay, ông M cũng thừa nhận các chứng cứ này. Vì vậy, cùng với việc khởi kiện của mình, nguyên đơn bà N đã xuất trình chứng cứ hợp pháp để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện nên cấp sơ thẩm đã chấp nhận đơn khởi kiện của bà N là có căn cứ.

Tuy nhiên, khi tính toán về lãi suất, cấp sơ thẩm đã tính toán sai về thời gian phải chịu lãi suất đối với khoản tiền vay 100.000.000đ: Ngày vay là ngày 27/4/2018, thời hạn trả nợ là 13 ngày nhưng án sơ thẩm chỉ tính số ngày phải chịu lãi suất từ ngày 10/5/2018 đến ngày xét xử sơ thẩm là 18/6/2019 là 376 ngày là không đúng mà phải là 403 ngày. Như vậy, số tiền lãi đối với khoản vay này cho đến ngày xét xử sơ thẩm là  $(100.000.000 \text{ đồng} \times 404 \text{ ngày} \times 10\%) : 365 = 11.068.493 \text{ đồng}$  (chênh lệch theo hướng tăng tiền lãi lên so với án sơ thẩm là 767.000đ). Tại buổi làm việc ngày 02/10/2019 cũng như tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay bà N nêu ý kiến là không yêu cầu tính toán lại, việc phát sinh thêm tiền lãi suất không lớn và bà đồng ý không yêu cầu bị đơn phải thanh toán cho bà khoản tiền lãi phát sinh thêm, mà đồng ý với mức lãi suất cấp sơ thẩm đã tính. Hội đồng xét xử thấy rằng: Mặc dù

cấp sơ thẩm có tính toán sai về phần lãi suất là thiệt hại cho nguyên đơn, nhưng nguyên đơn bà N chấp nhận và không yêu cầu tính toán lại, và yêu cầu này của nguyên đơn là hoàn toàn tự nguyện và có lợi cho bị đơn là người kháng cáo nên cần chấp nhận.

Bản án tuyên về việc chịu lãi suất sau thời điểm xét xử sơ thẩm là: Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (hoặc) kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự, là chưa rõ ràng, cụ thể, nên cần điều chỉnh lại.

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, nguyên đơn bà Huỳnh Thị N xác định: Trong quá trình chuẩn bị xét xử phúc thẩm thì bị đơn ông M, bà H đã trả cho bà được khoản nợ gốc là 1.000.000.000đ (Một tỷ đồng). Và bà đồng ý bớt cho ông M, bà H số tiền lãi 220.000.000đ (Hai trăm hai mươi triệu đồng). Bà N chỉ yêu cầu ông M, bà H trả cho bà N số nợ 1.300.027.000đ (làm tròn số), trong đó nợ gốc là 1.224.000.000đ, nợ lãi là 76.027.000đ. Bị đơn ông M cũng đồng ý và thỏa thuận với nội dung này của bà N.

Hội đồng xét xử thấy rằng việc tự nguyện thỏa thuận của bà N là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật và không trái đạo đức xã hội; là có lợi cho bị đơn - người kháng cáo, và ông M cũng hoàn toàn đồng ý với yêu cầu này của bà N nên cần sửa bản án sơ thẩm theo phân tích trên.

Tại phiên tòa hôm nay, các bên đương sự thống nhất đề nghị Tòa án tiếp tục duy trì biện pháp khẩn cấp tạm thời số 01/2018/QĐ-BPKCTT ngày 05/12/2018 của Tòa án nhân dân huyện Krông Năng, tỉnh Đắk Lắk để đảm bảo cho việc thi hành án đối với bản án này nên cần ghi nhận.

[3] Về án phí:

- Án phí dân sự sơ thẩm: Do sửa án sơ thẩm về số nợ phải trả, nên cần sửa về án phí DSST, ông M và bà H phải chịu án phí DSST là: 51.000.000đ (làm tròn số).

Trả lại cho bà Huỳnh Thị N số tiền tạm ứng án phí đã nộp là: 27.355.000 đồng theo biên lai thu số 0002719 ngày 05/7/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện KR.

- Án phí dân sự phúc thẩm: Do sửa bản án sơ thẩm nên Ông Nguyễn Đức M không phải chịu án phí DSPT. Số tiền tạm ứng án phí DSPT của bà Trần Thị Thúy H được sung công quỹ Nhà nước.

Chi phí giám định: Ông Nguyễn Đức M, bà Trần Thị Thúy H phải nộp 11.300.000 đồng tiền chi phí giám định. Hoàn trả cho bà Huỳnh Thị N số tiền 11.300.000 đồng tiền tạm ứng chi phí giám định đã nộp sau khi thu được của ông Nguyễn Đức M, bà Trần Thị Thúy H.

[4] Các quyết định khác của án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 2 Điều 148; khoản 3 Điều 296; khoản 2 Điều 308, Điều 313 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; khoản 1 Điều 161; Điều 203; điểm b khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 273 và khoản 1 Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Điều 466; khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự; Điều 27; Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình.

[1] Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo của bà Trần Thị Thúy H.

Chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Đức M – Sửa bản án sơ thẩm số: 24/2019/DS-ST ngày 18/6/2019, của Tòa án nhân dân huyện Krông Năng, tỉnh Đắk Lắk.

[2] Tuyên xử: Chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn bà Huỳnh Thị N.

Buộc ông Nguyễn Đức M và bà Trần Thị Thúy H có trách nhiệm liên đới trả cho bà Huỳnh Thị N số nợ 1.300.027.000đ (làm tròn số), trong đó nợ gốc là 1.224.000.000đ, nợ lãi là 76.027.000đ.

*Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015.*

[3] Chi phí giám định: Ông Nguyễn Đức M, bà Trần Thị Thúy H phải nộp 11.300.000 đồng tiền chi phí giám định. Hoàn trả cho bà Huỳnh Thị N số tiền 11.300.000 đồng tiền tạm ứng chi phí giám định đã nộp sau khi thu được của ông Nguyễn Đức M, bà Trần Thị Thúy H.

Ghi nhận việc các bên yêu cầu tiếp tục duy trì biện pháp khẩn cấp tạm thời số 01/2018/QĐ-BPKCTT ngày 05/12/2018 của Tòa án nhân dân huyện Krông Năng, tỉnh Đắk Lắk để đảm bảo cho việc thi hành án đối với bản án này.

[4] Về án phí:

[4.1] Án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Nguyễn Đức M, bà Trần Thị Thúy H phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 51.000.000 đồng.

Trả lại cho bà Huỳnh Thị N số tiền tạm ứng án phí đã nộp là: 27.355.000 đồng theo biên lai thu số 0002719 ngày 05/7/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện KR, tỉnh Đắk Lắk.

[4.2] Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Nguyễn Đức M không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, được nhận lại 300.000đ tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm

theo biên lai số AA/2017/0014934, ngày 11/7/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện KR, tỉnh Đắk Lắk.

Sung công quỹ Nhà nước số tiền 300.000đ tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm do ông Nguyễn Đức M nộp thay bà Trần Thị Thúy H theo biên lai thu số AA/2017/0014935, ngày 11/7/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện KR, tỉnh Đắk Lắk.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.*

[3] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[4] Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- TAND huyện Krông Năng;
- Chi cục THA huyện KR;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM/HỘI ĐỒNG XÉT XỬ  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

**Trần Anh Tuấn**